

Số: /QĐ-UBND

An Lão, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc áp dụng Bộ chỉ số đánh giá quản lý chất lượng tổng thể
theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020
tại huyện An Lão năm 2024-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TĐC ngày 06/9/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành tài liệu hướng dẫn về phương pháp tự đánh giá và bộ chỉ số đánh giá quản lý chất lượng tổng thể theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 18091:2020;

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc duy trì và mở rộng thí điểm áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại chính quyền địa phương của thành phố Hải Phòng năm 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 99/KH-SKHCN ngày 14/6/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Duy trì và mở rộng thí điểm áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại chính quyền địa phương của thành phố Hải Phòng năm 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND huyện An Lão về việc triển khai thí điểm áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 18091:2020 tại huyện An Lão năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng Bộ chỉ số đánh giá quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (gọi tắt là Bộ chỉ số đánh giá, chấm điểm) áp dụng tại chính quyền huyện An Lão năm 2024 - 2025 (Phụ lục 1 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm và Tổ đánh giá, chấm điểm Bộ chỉ số đánh giá quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020.

- Các cơ quan chuyên môn, Công an huyện, Ban chỉ huy Quân sự huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm nghiên cứu về các chỉ số đánh giá, tiêu chí đánh giá có liên quan (*Bảng phân công theo Phụ lục 2 kèm theo*) và tiến hành thu thập thông tin giải trình, cung cấp các tài liệu, hồ sơ minh chứng phục vụ hoạt động đánh giá, chấm điểm theo từng chỉ số và tiêu chí đánh giá chi tiết.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thành viên Ban chỉ đạo ISO 18091:2020 huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (đề b/c);
- Sở KH&CN thành phố;
- TTHU, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Thế Vinh

PHỤ LỤC 1
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TỔNG THỂ THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 18091:2020
ÁP DỤNG TẠI CHÍNH QUYỀN HUYỆN AN LÃO NĂM 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện An Lão)

STT	Chỉ số đánh giá theo Phụ lục A – TCVN ISO 18091:2020	Tiêu chí đánh giá/chấm điểm chi tiết	Ghi chú
1	Nhóm chủ đề 1 – Xây dựng thể chế điều hành tốt (10 chỉ số)		
1.1	<p>Quản lý chất lượng tổng thể: Chính quyền chú trọng vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng với hệ thống quản lý chất lượng tổng thể</p>	<p>Hoạt động của chính quyền địa phương không được hoạch định và lập ngân sách. Không tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng. Hoạt động không được kiểm soát và đánh giá thông qua một hệ thống quản lý chất lượng toàn diện.</p> <p>Hoạt động của chính quyền địa phương được hoạch định và tập trung vào phát triển bền vững, được kiểm soát và đánh giá thông qua hệ thống quản lý với một số quá trình hoặc phòng ban cụ thể.</p> <p>Chính quyền địa phương có hệ thống quản lý chất lượng tổng thể tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng.</p> <p>1) Hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền địa phương (10đ): + Không có các kế hoạch, chương trình hoạt động (0đ). + Có đầy đủ các chương trình, kế hoạch hoạt động (0-10đ).</p> <p>2) Lập và bố trí ngân sách cho các hoạt động của chính quyền (10đ): + Không (0đ). + Lập và bố trí đầy đủ ngân sách cho các hoạt động (0-10đ).</p> <p>3) Hệ thống QLCL của chính quyền (40đ): + Không xây dựng, áp dụng HTQLCL (0đ) + Có HTQLCL (30đ): TH1: Chỉ áp dụng đối với giải quyết TTHC và một số quá trình/phòng ban cụ thể (10đ). TH2: Đảm bảo tính tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (30đ). + Được bố trí ngân sách cho hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL (10đ).</p> <p>4) Tập trung vào phát triển bền vững (30đ): + Không (0đ). + TH1: Tập trung thực hiện một số mục tiêu phát triển bền vững (15đ). + TH2: Thực hiện đầy đủ các mục tiêu phát triển bền vững</p>	

			(30đ).	
1.2	<p>Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác: Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác của chính quyền địa phương với các bên quan tâm có liên quan</p>	<p>Chính quyền địa phương không có sự hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với một số cấp chính quyền, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.</p> <p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và các hoạt động được phát triển với các cấp chính quyền khác, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.</p> <p>Chính quyền địa phương có chiến lược thúc đẩy cộng tác và hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Chiến lược này gắn với việc hoạch định của chính quyền địa phương. Các mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với các chính quyền khác, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân</p>	<p>1) Hoạt động hợp tác của chính quyền địa phương ở cấp khu vực, quốc tế (20đ): + Không có (0đ). + Có một số hoạt động hợp tác (0-20đ).</p> <p>2) Hoạt động hợp tác của chính quyền địa phương ở trong nước, một số chính quyền khác (20đ): + Không có (0đ). + Có một số hoạt động hợp tác (0-20đ).</p> <p>3) Mối liên hệ, trao đổi, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội công và tư nhân (30đ): + Không có (0đ). + Có một số hoạt động (0-30đ).</p> <p>4) Chính sách, chương trình thúc đẩy, phát triển hợp tác (20đ): + Không có (0đ). + Có (0-20đ).</p>	
1.3	<p>Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức:</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động đào tạo cho công chức, nhưng không có mô tả công việc hoặc phân tích nhu cầu đào tạo.</p>	<p>1) Đề án vị trí việc làm, mô tả công việc (10đ): + Không có (0đ). + Có nhưng không đầy đủ, không phù hợp với việc sắp xếp vị trí việc làm (5đ).</p>	

	<p>Năng lực, nhận thức và việc duy trì liên tục của công chức</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số quy trình chuyên môn hóa và việc đào tạo công chức. Có mô tả công việc và phân tích nhưng chúng chưa phù hợp.</p> <p>Chính quyền địa phương có nhân sự có năng lực và tận tụy. Có phân tích thỏa đáng về nhu cầu đào tạo và chính sách rõ ràng để khuyến khích tính liên tục, tính chuyên nghiệp và việc đào tạo công chức. Có các quy định về mô tả công việc đầy đủ, điều kiện làm việc tốt và bằng chứng về việc thực hiện.</p>	<p>+ Có đầy đủ và phù hợp với việc sắp xếp vị trí việc làm (10đ).</p> <p>2) Hoạt động đào tạo cán bộ, công chức (20đ):</p> <p>+ Có hoạt động rà soát, phân tích về nhu cầu đào tạo (0-5đ).</p> <p>+ Có hoạt động đào tạo (0-10đ).</p> <p>+ Có một số quy trình chuyên môn hóa (0-5đ).</p> <p>3) Cơ chế, chính sách khuyến khích tạo động lực làm việc, đào tạo công chức (10đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có cơ chế, chính sách (0-10đ).</p> <p>4) Điều kiện làm việc tốt (20đ):</p> <p>+ Trang bị máy móc, thiết bị làm việc đầy đủ cho công chức (0-10đ).</p> <p>+ Cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc đảm bảo cho hoạt động (0-10đ).</p> <p>5) Năng lực và tận tụy của cán bộ công chức (30đ):</p> <p>+ Chấp hành kỉ cương công vụ (tỷ lệ vi phạm) (0-10đ).</p> <p>+ Tỷ lệ công chức hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao (0-10đ).</p> <p>+ Kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân (SIPAS) (0-10đ).</p>	
1.4	<p>Tài chính công và trách nhiệm tài chính: Trách nhiệm tài</p>	<p>Chính quyền địa phương phụ thuộc vào việc chuyển khoản từ cấp chính quyền khác để cấp kinh phí cho các hoạt động của mình. Có sự đánh thuế tài sản với hệ thống đăng ký đất. Tuy nhiên, nội dung sau chưa thích hợp. Chính quyền địa phương không có kiểm soát đầy đủ về nợ công của mình.</p>	<p>1) Cân đối thu-chi tài chính cho hoạt động của chính quyền (60đ):</p> <p>+ Không có nguồn thu, phụ thuộc 100% chuyển khoản từ cấp trên (0đ).</p> <p>+ Tỷ lệ thu/chi cho hoạt động của chính quyền (0-60đ).</p> <p>2) Hệ thống thu thuế sử dụng đất đai, tài sản, các nguồn thu (20đ):</p>	

	<p>chính và việc quản lý tài chính lành mạnh</p>	<p>Chính quyền địa phương có hệ thống thu thuế hiệu lực và hệ thống nguồn thu nhập riêng. Có đánh thuế tài sản với hệ thống đăng ký đất và sự cân bằng tài chính qua xem xét quản lý nợ công.</p>	<p>+ Không có (0đ). + Có hệ thống thu thuế hiệu lực (0-20đ). 3) Xem xét cân bằng tài chính và quản lý nợ công (10đ): + Có nợ công (0đ). + Không có nợ công (10đ).</p>	
<p>1.5</p>	<p>Quản lý công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và dữ liệu: Sử dụng có hệ thống công nghệ thông tin và</p>	<p>Chính quyền địa phương sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho các quá trình nội bộ. Tuy nhiên, ICT không được sử dụng cho truyền thông hai chiều với công dân hoặc trong việc cung cấp dịch vụ.</p>	<p>1) Ứng dụng CNTT cho các hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành nội bộ của chính quyền (30đ): + Có một số ứng dụng CNTT nhưng chưa đáp ứng cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành nội bộ (0-10đ). + Đáp ứng cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành nội bộ (10-30đ). 2) Ứng dụng CNTT để thông tin, trao đổi với công dân (20đ): + Chỉ thông tin một chiều cho công dân (0đ). + Thông tin, trao đổi hai chiều đầy đủ, thuận lợi, hiệu quả với công dân (0-10đ).</p>	
<p>Chính quyền địa phương sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho các quá trình nội bộ, truyền thông hai chiều với công dân và trong việc cung cấp dịch vụ. Có chiến lược và chính sách đối với ICT và quản lý dữ liệu.</p>				

	<p>truyền thông (ICT) và quản lý dữ liệu đối với chính quyền điện tử</p>	<p>Chính quyền địa phương sử dụng một cách hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật cho các quá trình nội bộ, truyền thông hai chiều với công dân và trong việc cung cấp dịch vụ. Có chiến lược và chính sách được hoạch định và thực hiện đối với ICT và quản lý dữ liệu.</p>	<p>+ Ứng dụng CNTT trong việc thực hiện cung cấp dịch vụ công (0-10đ).</p> <p>3) Hạ tầng CNTT (20đ)</p> <p>+ Chưa đáp ứng (0-10đ).</p> <p>+ Cơ bản đã đáp ứng (10-20đ).</p> <p>4) Cơ chế, chính sách và đối với việc ứng dụng CNTT và quản lý dữ liệu (20đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có chiến lược và chính sách (10 đ)</p> <p>+ Có chương trình, kế hoạch hoặc đề án để thúc đẩy ứng dụng CNTT (0-10đ).</p>	
<p>1.6</p>	<p>Quy tắc pháp luật và quyền con người: Quy tắc pháp luật và quyền con người phổ biến trong lãnh thổ của chính quyền</p>	<p>Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không được cập nhật để thúc đẩy quy tắc pháp luật. Chính quyền chưa xem xét quyền con người.</p> <p>Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo quy tắc pháp luật và quyền con người theo cách thích hợp và tiếp cận được.</p> <p>Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành và được cập nhật để đảm bảo quy tắc pháp luật và quyền con người theo cách hiệu quả, thích hợp và tiếp cận được.</p>	<p>1) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quyền con người (30đ):</p> <p>+ Được cập nhật đầy đủ (0-10đ).</p> <p>+ Đảm bảo các nguyên tắc (0-10đ).</p> <p>+ Có chú trọng đến quyền con người (0-10đ).</p> <p>2) Triển khai, phổ biến giáo dục pháp luật và quyền con người của chính quyền (60đ):</p> <p>+ Có các chương trình, kế hoạch (0-20đ).</p> <p>+ Triển khai, phổ biến giáo dục và quyền con người (40đ):</p> <p>TH1: Có một số hoạt động nhưng chưa hiệu quả, chưa thích hợp, người dân khó tiếp cận về quy định pháp luật mới và dịch vụ pháp lý (0-20đ).</p> <p>TH2: Triển khai hoạt động hiệu quả, thích hợp và dễ tiếp cận về quy định pháp luật mới và dịch vụ pháp lý (20-40đ).</p>	
<p>1.7</p>	<p>Tính minh bạch và trao đổi thông tin: Tính minh bạch, trao</p>	<p>Chính quyền địa phương thực hiện các hành động nhất định để đảm bảo tính minh bạch, nhưng không cho phép trách nhiệm giải trình có hiệu lực.</p> <p>Khách hàng/công dân không có khả năng tiếp cận với các tài liệu, báo cáo và các chi</p>	<p>1) Các hành động được thực hiện để đảm bảo tính công khai, minh bạch của chính quyền (30đ):</p> <p>+ Công khai về cơ cấu tổ chức (5đ).</p> <p>+ Công khai thu chi ngân sách (5đ).</p> <p>+ Công khai danh sách hộ nghèo (5đ).</p> <p>+ Công khai quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù</p>	

	<p>đôi thông tin, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận thông tin đối với chính quyền mở</p>	<p>tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.</p> <p>Chính quyền địa phương thực hiện các hành động nhất định để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, tin cậy và liêm chính để cho phép và khuyến khích trách nhiệm giải trình có hiệu lực.</p> <p>Khách hàng/công dân có khả năng tiếp cận hạn chế với các tài liệu, báo cáo và các chi tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.</p> <p>Chính quyền địa phương có một hệ thống minh bạch đảm bảo đầy đủ công bằng, tin cậy và liêm chính để cho phép và khuyến khích trách nhiệm giải trình có hiệu lực.</p> <p>Khách hàng/công dân có khả năng tiếp cận với các tài liệu, báo cáo và các chi tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.</p>	<p>đất (5đ).</p> <p>+ Công khai các tài liệu, báo cáo, hồ sơ khác theo quy định (0-10đ).</p> <p>2) Khả năng tiếp cận với các tài liệu, báo cáo, hồ sơ, thông tin công khai của chính quyền (20đ):</p> <p>+ TH1: Hình thức, nội dung công khai khó tiếp cận được hoặc tiếp cận hạn chế cho người dân (10đ).</p> <p>+ TH2: Hình thức, nội dung công khai được người dân dễ tiếp cận, đầy đủ và chi tiết của các thông tin công khai (20đ).</p> <p>3) Hệ thống công khai, minh bạch (10đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có quy định cụ thể về loại tài liệu, hồ sơ, thông tin cần công khai, cách thức và hình thức công khai, minh bạch của chính quyền (5đ).</p> <p>+ Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát (5đ).</p> <p>4) Trách nhiệm giải trình của chính quyền (30đ):</p> <p>+ Không thực hiện (0đ).</p> <p>+ Thực hiện các hoạt động giải trình một cách có hiệu lực và hiệu quả (0-30đ).</p>	
1.8	<p>Sự tham gia của công dân:</p> <p>Văn hoá dân chủ và sự tham gia của dân chúng vào chính sách công và các chương trình chung</p>	<p>Chính quyền địa phương không có các quy trình khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ.</p> <p>Chính quyền địa phương có một số quy trình khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ. Chúng bao gồm sự tham gia của công dân vào một số chính sách công và chương trình chung và một số hoạt động khuyến khích văn hoá dân chủ.</p> <p>Chính quyền địa phương có một hệ thống khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ. Có các quy trình bao gồm</p>	<p>1) Thực hiện quy chế dân chủ để khuyến khích công dân tham gia vào hoạt động, chương trình chung của chính quyền (50đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ TH1: Có một số hoạt động triển khai về Quy chế dân chủ cơ sở nhưng chưa hiệu quả, sự hưởng ứng và tham gia của người dân chưa cao (0-20đ).</p> <p>+ TH2: Hoạt động xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại địa phương có chất lượng, hiệu quả được người dân ủng hộ, hưởng ứng và tích cực tham gia (20-50đ).</p> <p>2) Hệ thống khuyến khích công dân tham gia vào việc thiết kế, thực hiện, theo dõi, kiểm soát và đánh giá các</p>	

		<p>sự tham gia của công dân vào việc thiết kế, thực hiện, theo dõi, kiểm soát và đánh giá các chính sách công và chương trình chung, cũng như khuyến khích văn hoá dân chủ.</p>	<p>chính sách công, các chương trình chung của chính quyền (40đ):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không có (0đ). + Có các chương trình, quy chế phối hợp, kế hoạch triển khai thực hiện về văn hoá dân chủ và sự tham gia của người dân vào các chính sách công và các chương trình chung (0-20đ). + Có các quy trình triển khai thực hiện và các quy trình để người dân tham gia vào dự thảo, theo dõi, kiểm soát và đánh giá các chính sách công và chương trình chung của chính quyền (0-10đ). + Có cơ quan chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát và hoạt động tích cực (0-10đ). 	
1.9	<p>Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân: Khả năng thích ứng, bảo vệ công dân và dịch vụ khẩn cấp</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số quy trình bảo vệ công dân để giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, chính quyền không có các hành động phòng ngừa.</p> <p>Chính quyền địa phương có kế hoạch bảo vệ công dân và các quy trình để phòng ngừa và giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Chính quyền có biểu đồ rủi ro, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp và định kỳ tiến hành các hoạt động kiểm tra và phòng ngừa. Tuy nhiên, chính quyền không có chiến lược khôi phục sau ảnh hưởng của hiểm hoạ.</p>	<p>1) Hoạt động bảo vệ công dân trong trường hợp khẩn cấp (40đ).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có một số hoạt động bảo vệ công dân (0-10đ). + Có đầy đủ các dịch vụ khẩn cấp (0-10đ). + Có kế hoạch bảo vệ, phòng ngừa giúp đỡ công dân trong trường hợp khẩn cấp (0-10đ). + Có đầy đủ quy trình, phương án giúp đỡ dân trong trường hợp khẩn cấp (0-10đ). <p>2) Đánh giá rủi ro về hiểm hoạ tại địa phương (20đ):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không thực hiện đánh giá rủi ro (0đ). + Có hoạt động đánh giá các rủi ro tại địa phương (0-10đ). + Biểu đồ rủi ro (10đ): Có/Không. <p>3) Hoạt động kiểm tra, phòng ngừa (20đ):</p>	

		<p>Chính quyền địa phương có kế hoạch bảo vệ công dân và các quy trình để phòng ngừa và giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Chính quyền có biểu đồ rủi ro, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp và định kỳ tiến hành các hoạt động kiểm tra và phòng ngừa. Chính quyền có chiến lược khôi phục sau ảnh hưởng của hiểm họa.</p>	<p>+ Không có (0đ). + Có kiểm tra định kỳ, diễn tập phòng ngừa (0-20đ). 4) Khôi phục sau ảnh hưởng của hiểm họa (10đ): + Không có (0đ). + Có thực hiện và có kế hoạch cho một số tình huống cụ thể (10đ).</p>	
1.10	<p>An ninh công cộng: An toàn và an ninh công cộng</p>	<p>Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế với các cấp chính quyền khác và các hành động chống lại sự phạm pháp và tội phạm. Chính quyền có các quy trình và đào tạo. Tuy nhiên, không có các hành động phòng ngừa và nhân viên của chính quyền không có hoặc không đủ trang thiết bị.</p> <p>Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế với các cấp chính quyền khác và chiến lược phòng ngừa bạo lực, phạm pháp và tội phạm. Có thiết bị, quy trình và đào tạo.</p> <p>Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế hiệu quả với các cấp chính quyền khác và một chiến lược toàn diện phòng ngừa bạo lực, phạm pháp và tội phạm. Có thiết bị, quy trình, đào tạo và công dân cảm thấy an toàn trong lãnh thổ của chính quyền địa phương.</p>	<p>1) Sự phối hợp với các cấp chính quyền khác về vấn đề phạm pháp, tội phạm (20đ): + Không có sự phối hợp (0đ). + Có sự phối hợp chặt chẽ (0-20đ). 2) Phòng ngừa bạo lực, phạm pháp, tội phạm (30đ): + Có các phương án phòng chống bạo lực, phạm pháp, tội phạm (0-10đ). + Tổ chức đào tạo, diễn tập phòng ngừa bạo lực, phạm pháp, tội phạm (0-10đ). + Hoạt động tuyên truyền, phổ biến (kế hoạch, thực hiện KH) về phòng ngừa bạo lực, phạm pháp, tội phạm (0-10đ). 3) Trang bị thiết bị, công cụ hỗ trợ (20đ): + Đầy đủ (20đ). + Không đầy đủ (10đ). 4) Cảm nhận về sự an toàn của công dân trên vùng lãnh thổ (20đ): + Chỉ số đánh giá của người dân (phiếu đánh giá, tổ chức hội nghị lắng nghe ý kiến phản ánh của người dân) (0-10đ). + Tình hình tội phạm hình sự, cướp, cướp giật, trộm cắp, trộm cắp xe máy... (0-10đ)</p>	
2	Nhóm chủ đề 2 – Phát triển kinh tế bền vững (08 chỉ số)			
2.1	<p>Đổi mới và năng lực</p>	<p>Chính quyền địa phương thực hiện các hành động riêng lẻ để đổi mới hoạt động kinh tế.</p>	<p>1) Nhận biết nền tảng kinh tế của địa phương (30đ): + Không đánh giá và nhận biết (0đ).</p>	

	<p>cạnh tranh: Các lựa chọn đổi mới kinh tế</p>	<p>Tuy nhiên, chính quyền không nhận biết được cơ sở kinh tế của mình.</p> <p>Chính quyền địa phương đã nhận biết được cơ sở kinh tế của mình và thực hiện các hành động riêng lẻ để đổi mới hoạt động kinh tế.</p> <p>Chính quyền địa phương đã nhận biết được cơ sở kinh tế của mình và khuyến khích đổi mới kinh tế thông qua các chương trình tập trung vào phát triển các lựa chọn đổi mới kinh tế.</p>	<p>+ Có hoạt động đánh giá và nhận biết thành phần kinh tế, các ngành nghề kinh tế của địa phương (0-30đ).</p> <p>2) Hoạt động đổi mới kinh tế của chính quyền địa phương (60đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động riêng lẻ (0-20đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để tập trung phát triển đổi mới kinh tế tại địa phương (0-20đ).</p> <p>+ Thực hiện các chương trình, đề án tập trung đổi mới kinh tế tại địa phương (0-20đ)</p>	
2.2	<p>Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế: Cơ hội công việc tốt và tăng trưởng kinh tế</p>	<p>Chính quyền địa phương có các hoạt động để khuyến khích công việc trong lĩnh vực công và tư nhân. Tuy nhiên, chính quyền chưa có các dự án đào tạo hoặc các hoạt động để tạo ra hoạt động kinh doanh mới.</p> <p>Chính quyền địa phương có các hoạt động để khuyến khích công việc tốt trong lĩnh vực công và tư nhân. Các hoạt động này bao gồm việc tạo ra hoạt động kinh doanh mới và các dự án đào tạo.</p> <p>Chính quyền địa phương có chiến lược để tạo ra và khuyến khích công việc tốt trong lĩnh vực công và tư nhân. Chiến lược bao gồm chính sách toàn diện để tạo ra hoạt động kinh doanh mới, cơ hội cung cấp và nhận được công việc tốt và các dự án đào tạo cho tăng trưởng kinh tế.</p>	<p>1) Hoạt động thúc đẩy tạo việc làm đầy đủ (30đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động để tạo việc làm (Theo Mục tiêu SDG VN đến năm 2025 đảm bảo tỷ lệ thiếu việc làm <1,89%; Tỷ lệ thất nghiệp đến năm 2025 <4%) (0-20đ).</p> <p>+ Có các chính sách để hỗ trợ, thúc đẩy tạo việc làm (0-10đ).</p> <p>2) Hoạt động thúc đẩy để tạo ra hoạt động kinh doanh mới (40đ):</p> <p>+ Có các hoạt động để tạo ra kinh doanh mới (0-20đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để hỗ trợ, thúc đẩy tạo ra hoạt động kinh doanh mới (0-20đ).</p> <p>3) Duy trì tăng trưởng kinh tế tại địa phương (20đ)</p> <p>+ Duy trì tăng trưởng GRDP (Mục tiêu SDG VN đến năm 2025 từ 5-6%) (0-10đ)</p> <p>+ GRDP bình quân đầu người (Mục tiêu SGD-VN đến năm 2025 đạt 4.700-5.000USD) (0-10đ).</p>	
2.3	<p>An ninh lương thực và không</p>	<p>Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp và tiếp cận tự nhiên đối với thực phẩm cho khách hàng/công dân của mình.</p>	<p>1) Hoạt động đảm bảo an ninh lương thực ở chính quyền địa phương (35đ):</p> <p>- Có chính sách khuyến khích thúc đẩy sản xuất, cung cấp</p>	

	<p>có người đối: An ninh lương thực và không có người đói</p>	<p>Chính quyền chưa có sự giám sát thường xuyên đối với các vấn đề về an ninh lương thực.</p>	<p><i>lương thực, thực phẩm tại địa phương (10đ)</i> - Có các hoạt động thúc đẩy sản xuất lương thực, thực phẩm tại địa phương (0-25đ).</p> <p>2) Hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm (40đ) - Có các hoạt động kiểm tra, giám sát ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm tại địa phương (0-20đ). - Người dân dễ tiếp cận với thực phẩm không độc hại, bổ dưỡng thông qua các trung tâm thương mại, chợ, siêu thị, cửa hàng, ... (0-10đ). - Đảm bảo tỉ lệ hộ gia đình thiếu an ninh lương thực, thực phẩm ở mức độ nặng và vừa (mục tiêu SDG VN đến năm 2025 <8%) (0-10đ).</p> <p>3) Hoạt động đảm bảo dinh dưỡng (15 đ) - Đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi (0-15đ): + Đảm bảo tỉ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (mục tiêu SDG-VN đến năm 2025 <17%) (0-5đ). + Đảm bảo tỉ lệ suy dinh dưỡng gầy còm (mục tiêu SDG-VN đến năm 2025 <5%) (0-5đ). + Đảm bảo tỉ lệ thừa cân, béo phì (mục tiêu SDG-VN đến năm 2025, nông thôn <7%, thành phố <11%) (0-5đ).</p>	
<p>2.4</p>	<p>Đào tạo nghề: Đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật, giáo dục thường xuyên và năng lực sống</p>	<p>Chính quyền địa phương không có phân tích về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương, cũng không tiếp cận việc này. Cũng không khuyến khích các hành động phù hợp với bối cảnh địa phương.</p>	<p>1) Phân tích về thị trường lao động của địa phương và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề và kỹ thuật (30đ): + Không có hoạt động thống kê, phân tích (0đ): + Có hoạt động thống kê, phân tích nhưng chưa đầy đủ (0-10đ). + Có số liệu thống kê và phân tích đầy đủ và chính xác (10-20đ).</p> <p>2) Chương trình khuyến khích thích hợp với các nhu cầu đào tạo nghề và kỹ thuật (20đ): + Không có (0đ).</p>	

		<p>tiếp cận việc này. Chính quyền có các chương trình khuyến khích, nhưng chưa đủ hoặc chưa thích hợp với các phân tích.</p>	<p>+ TH1: Có kế hoạch về đào tạo nghề nhưng chưa đủ hoặc chưa thích hợp (0-10đ).</p> <p>+ TH2: Có các chương trình, kế hoạch đầy đủ tương ứng với ngành nghề, lĩnh vực, đối tượng cụ thể phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động (10-20đ).</p> <p>3) Hoạt động đào tạo nghề (40đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động đào tạo nghề (0-20đ).</p> <p>+ Tỷ lệ người lao động qua đào tạo nghề tại địa phương/số lao động chưa qua đào tạo (0-20đ).</p>	
<p>2.5</p>	<p>Du lịch: Thúc đẩy du lịch</p>	<p>Chính quyền địa phương có kế hoạch với các chương trình tập trung vào phát triển du lịch nhưng chưa thích hợp với bối cảnh địa phương</p>	<p>1) Phân tích, đánh giá về tiềm năng du lịch ở địa phương (20đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có phân tích, đánh giá tiềm năng du lịch của địa phương (0-20đ).</p> <p>2) Phát triển du lịch của địa phương (30đ):</p> <p>+ Chỉ có một số hoạt động riêng lẻ, không có chủ trương, chương trình, kế hoạch để tập trung phát triển du lịch tại địa phương do không thích hợp với bối cảnh của địa phương (0-10đ).</p> <p>+ Có chủ trương, chương trình, kế hoạch thực hiện để tập trung phát triển du lịch (0-20đ).</p> <p>3) Phát triển du lịch gắn với khía cạnh bền vững, thúc đẩy sản phẩm và việc làm (40đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có kế hoạch phát triển du lịch gắn với khía cạnh du lịch bền vững (0-20đ).</p> <p>+ Có hoạt động thúc đẩy các di sản văn hoá và thúc đẩy sản phẩm và việc làm địa phương (0-20đ).</p>	
<p>Chính quyền địa phương có kế hoạch với các chương trình tập trung vào phát triển du lịch, nhưng chưa có khía cạnh bền vững. Chính quyền có xem xét di sản văn hoá và thúc đẩy sản phẩm và việc làm địa phương. Tuy nhiên, chưa phân tích về tiềm năng du lịch tại vùng lãnh thổ của mình.</p>	<p>Chính quyền địa phương có phân tích về tiềm năng du lịch tại vùng lãnh thổ của mình. Chính quyền có kế hoạch với khía cạnh du lịch bền vững, xem xét di sản văn hoá và thúc đẩy sản phẩm và việc làm địa phương.</p>			

<p>2.6</p>	<p>Di chuyển: Di chuyển bền vững và an toàn, các tuyến đường kết nối và liên kết</p>	<p>Trong vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương, chưa có đủ dịch vụ vận chuyển. Hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng vận chuyển chưa đầy đủ.</p> <p>Trong vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương, có đủ dịch vụ vận chuyển. Hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng vận chuyển đủ về mặt năng lực, nhưng chưa có chất lượng, không hấp dẫn hoặc không bảo vệ môi trường.</p> <p>Chính quyền địa phương đảm bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển an toàn, tiện lợi, toàn diện, tin cậy, hiệu quả, dễ tiếp cận, chi phí hợp lý và thích hợp cho các lứa tuổi khác nhau và các nhóm có nhu cầu đặc biệt. Chính quyền duy trì hệ thống giao thông tin cậy, nâng cao khả năng kết nối, khuyến khích giao thông không động cơ, tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hoá. Có cơ sở hạ tầng đầy đủ và chấp nhận được về năng lực, chất lượng, hấp dẫn và đóng góp cho môi trường bền vững và khả năng thích ứng.</p>	<p>1) Dịch vụ vận chuyển, loại hình vận chuyển trên địa bàn (30đ): + TH1: Chưa đầy đủ dịch vụ, loại hình vận chuyển để đáp ứng nhu cầu của người dân (0-20đ). + TH2: Đủ dịch vụ, loại hình vận chuyển đáp ứng nhu cầu của người dân (20-30đ).</p> <p>2) Chất lượng dịch vụ vận chuyển (30đ): + Chất lượng của phương tiện vận chuyển (0-5đ) + Hấp dẫn, thu hút (0-5đ) + Nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi và dễ tiếp cận (0-5đ) + An toàn (0-5đ) + Chi phí hợp lý (0-5đ) + Bảo vệ môi trường (0-5đ)</p> <p>3) Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông (30đ): + Đảm bảo mật độ mạng lưới giao thông (Km đường/dân số; Km đường/diện tích Km/km²) (0-10đ). + Chất lượng các tuyến đường, kết nối (0-10đ). + Bố trí các điểm dừng, bãi đỗ thuận tiện cho người dân (0-10đ).</p>	
<p>2.7</p>	<p>Lĩnh vực căn bản: Khuyến khích phát triển các</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động đối với lĩnh vực kinh tế căn bản nhưng không có sự phân tích về sản phẩm, nhà sản xuất và tiềm năng địa phương trong lĩnh vực đó.</p>	<p>1) Đánh giá, phân tích về tiềm năng của địa phương trong lĩnh vực căn bản (nông lâm nghiệp, vật nuôi và các lĩnh vực khác) (30đ): + Không có hoạt động đánh giá, phân tích về nhà sản xuất, sản phẩm và tiềm năng của địa phương (0đ).</p>	

	<p>ngành kinh tế căn bản bền vững (nông thôn/đô thị: rừng, vật nuôi, nông nghiệp và các lĩnh vực khác)</p>	<p>Chính quyền địa phương có sự phân tích một phần về nhà sản xuất, sản phẩm và tiềm năng địa phương với điều này. Có các hoạt động riêng lẻ nhưng không có chiến lược để phát triển bền vững lĩnh vực kinh tế căn bản.</p>	<p>+ Có hoạt động đánh giá, phân tích về nhà sản xuất, sản phẩm và tiềm năng của địa phương (0-30đ).</p> <p>2) Hoạt động để phát triển lĩnh vực kinh tế căn bản tại địa phương (60đ):</p> <p>+ Không có hoạt động để phát triển lĩnh vực kinh tế căn bản do bối cảnh của địa phương (0đ).</p> <p>+ Có một số hoạt động riêng lẻ để phát triển kinh tế căn bản của địa phương (0-30đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để phát triển kinh tế căn bản và gắn với phát triển bền vững của địa phương (0-30đ).</p>	
2.8	<p>Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng: Khuyến khích phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế thứ hai và thứ ba và các lĩnh vực khác (công nghiệp, thương mại, dịch vụ ...) cũng như tiêu dùng.</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động liên quan đến công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác, nhưng không có phân tích về công nghiệp, nhà sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và tiềm năng địa phương</p>	<p>1) Đánh giá, phân tích và nhận biết về công nghiệp, nhà sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và tiềm năng của địa phương (30đ):</p> <p>+ Không có hoạt động đánh giá, phân tích (0đ).</p> <p>+ TH1: Có hoạt động đánh giá, phân tích nhưng không đầy đủ (0-10đ)</p> <p>+ TH2: Có hoạt động đánh giá, phân tích và nhận biết đầy đủ về các thế mạnh, tiềm năng của địa phương (10-30đ).</p> <p>2) Hoạt động để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ tại địa phương (50đ):</p> <p>+ Không có hoạt động để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ tại địa phương (0đ).</p> <p>+ Có một số hoạt động để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ tại địa phương (0-30đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ tại địa phương và gắn với phát triển bền vững của địa phương (0-20đ).</p> <p>3) Bộ phận chịu trách nhiệm liên quan đến công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác (10đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p>	

			+ Có cơ quan chịu trách nhiệm và hoạt động tích cực (0-10đ):	
3	Nhóm chủ đề 3 – Phát triển xã hội toàn diện (12 chỉ số)			
3.1	Dịch vụ công: Dịch vụ công chất lượng	Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình, nhưng các dịch vụ này chưa đầy đủ.	1) Sự đầy đủ các dịch vụ công cơ bản được cung cấp trên địa bàn và hộ dân bao gồm dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích (40đ): + TH1: Đầy đủ theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP và các quy định khác (20-40đ). + TH2: Chưa đầy đủ theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP và các quy định khác (0-20đ).	
		Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình. Dịch vụ được cung cấp một cách hệ thống và thường xuyên nhưng chi phí chưa hợp lý và chưa chất lượng.	2) Chất lượng cung cấp dịch vụ công cơ bản (40đ): + Chất lượng dịch vụ hành chính công (Mục tiêu SDG-VN tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công >86%) (0-10đ). + Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (Mục tiêu SDG-VN tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công >86%) (0-10 đ). + Chất lượng dịch vụ công ích công (Mục tiêu SGD-VN tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công >86%) (0-10 đ). + Đảm bảo cung cấp một cách hệ thống, thường xuyên, liên tục và có trách nhiệm (0-10 đ).	
		Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình. Dịch vụ được cung cấp một cách có trách nhiệm, hệ thống, thường xuyên, có chất lượng và chi phí hợp lý.	3) Chi phí cho dịch vụ công cơ bản (10đ): + Hợp lý (10đ). + Chưa hợp lý (0đ).	
3.2	Thể thao, vui chơi và giải trí	Chính quyền địa phương thực hiện các hoạt động riêng lẻ để khuyến khích thể thao và giải trí tại một số giai đoạn phát triển con người. Có cơ sở hạ tầng cho giải trí và thể thao, nhưng không trong điều kiện tốt.	1) Hoạt động để khuyến khích thể thao, vui chơi, giải trí (40đ): + Có một số hoạt động riêng lẻ trong năm (0-20đ). + Có chủ trương, chính sách, các chương trình (0-20đ).	
		Chính quyền địa phương thực hiện các chương trình để khuyến khích thể thao và giải trí tại một số giai đoạn phát triển con người. Có cơ sở hạ tầng cho giải trí và thể	2) Số lượng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho thể thao và giải trí (30đ): + TH1: Có một số cơ sở hạ tầng, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân (0-10đ) + TH2: Có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu của người	

		thao, nhưng không trong điều kiện tốt.	<p><i>dân (10-20) đ</i></p> <p>+ <i>Được trang bị các công cụ, dụng cụ, thiết bị cho thể thao và giải trí (0-10đ)</i></p> <p>3) Chất lượng cơ sở hạ tầng cho thể thao và giải trí (20đ):</p> <p>+ <i>Chất lượng kém, xuống cấp, điều kiện hoạt động không tốt (0đ).</i></p> <p>+ <i>Chất lượng trong điều kiện hoạt động tốt (0-10đ).</i></p> <p>+ <i>Được duy trì và quản lý tốt (0-10đ).</i></p>	
3.3	Nhập cư và hoà nhập xã hội dân tộc: Nhập cư và thúc đẩy hoà nhập xã hội và dân tộc	<p>Chính quyền địa phương không có các hoạt động bảo vệ người nhập cư và khuyến khích không phân biệt đối xử, quyền và các cơ hội bình đẳng.</p> <p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động để bảo vệ người nhập cư, chống phân biệt đối xử và khuyến khích quyền và cơ hội bình đẳng cho mọi người để sống với chân giá trị. Trong một số trường hợp, chính quyền địa phương tổ chức các diễn đàn tư vấn và triển khai các hoạt động bao gồm công dân của tất cả các nhóm dân tộc và xã hội.</p> <p>Chính quyền địa phương có các chương trình để bảo vệ người nhập cư, chống phân biệt đối xử và khuyến khích quyền và cơ hội bình đẳng đối với mọi người để sống với chân giá trị. Có không gian cố định là nơi công dân của tất cả các nhóm dân tộc và xã hội có thể tham gia hội họp và thảo luận công việc của chính quyền địa phương.</p>	<p>1) Hoạt động bảo vệ người nhập cư, chống phân biệt đối xử và khuyến khích quyền bình đẳng (70đ):</p> <p>+ <i>Không có (0đ).</i></p> <p>+ <i>Có một số hoạt động (0-30đ).</i></p> <p>+ <i>Có các chương trình, kế hoạch (0-40đ).</i></p> <p>2) Không gian cố định để các nhóm dân tộc và xã hội tham gia hội họp, thảo luận (20đ):</p> <p>+ <i>Không có (0đ).</i></p> <p>+ <i>Có (0-20đ).</i></p>	
3.4	Bình đẳng giới:	Chính quyền địa phương không có chính sách về bình đẳng giới và trao quyền cho	1) Hoạt động về công tác bình đẳng giới và trao quyền cho con gái và phụ nữ (70đ):	

	Khuyến khích bình đẳng giới	<p style="text-align: center;">con gái và phụ nữ.</p> <p>Chính quyền địa phương có chính sách và các hoạt động khuyến khích bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả con gái và phụ nữ.</p> <p>Chính quyền địa phương có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, chính sách và các hoạt động khuyến khích bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả con gái và phụ nữ.</p>	<p>+ Có một số hoạt động nhưng không có chính sách, chương trình cụ thể (0-40đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để khuyến khích bình đẳng giới (0-30đ).</p> <p>2) Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện công tác bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả con gái và phụ nữ (20đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có cơ quan chịu trách nhiệm và hoạt động tích cực (20đ).</p>	
3.5	<p>Dân cư dễ bị tổn thương/ yếu thế và người khuyết tật: Người khuyết tật, dân cư chịu rủi ro và dễ bị tổn thương/yếu thế</p>	<p>Chính quyền địa phương có các hoạt động riêng lẻ để cung cấp dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi, nhưng không có cơ quan chịu trách nhiệm để theo dõi việc này.</p> <p>Chính quyền địa phương có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi, nhưng không có sự phân tích về người khuyết tật, người chịu rủi ro và cư dân dễ bị tổn thương/yếu thế.</p> <p>Chính quyền địa phương có sự phân tích về người khuyết tật, người chịu rủi ro và cư dân dễ bị tổn thương/yếu thế. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi.</p>	<p>1) Hoạt động chăm sóc, cung cấp dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi (70đ):</p> <p>+ Có hoạt động rà soát, thống kê, đánh giá, phân tích nhóm xã hội thiệt thòi (0-20đ).</p> <p>+ Có một số hoạt động riêng lẻ để chăm sóc, cung cấp dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi (0-30đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình (0-20đ).</p> <p>2) Cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ (20đ):</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>+ Có cơ quan chịu trách nhiệm và hoạt động tích cực (0-20đ).</p>	
3.6	<p>Sức khỏe và đời sống tốt: Thúc đẩy sức khỏe và đời</p>	<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động liên quan đến sức khỏe cộng đồng. Không có đủ sự tiếp cận đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, vắc-xin và thuốc cơ bản.</p>	<p>1) Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng (30đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng (0-20đ).</p> <p>+ Có phân tích, đánh giá và xây dựng các chương trình, kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng (0-10đ).</p>	

	sống tốt	<p>Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về sức khỏe cộng đồng. Có sự tiếp cận đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu và sự tiếp cận đối với thuốc và vắc-xin thiết yếu.</p>	<p>2) Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, vắc-xin và thuốc cơ bản (20đ): + TH1: Không đầy đủ (0-10đ). + TH2: Cung cấp đủ dịch vụ, vắc-xin và thuốc cơ bản (10-20đ).</p> <p>3) Chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, vắc xin và thuốc cơ bản (30đ): + Chất lượng tốt (0-10đ). + An toàn (0-10đ). + Chi phí hợp lý (0-10đ).</p> <p>4) Có cơ quan chịu trách nhiệm và hoạt động tích cực (10đ). + Không có (0đ). + Có và hoạt động tích cực (0-10đ).</p>	
3.7	<p>Chất lượng giáo dục: Thúc đẩy giáo dục cơ bản có chất lượng</p>	<p>Chính quyền địa phương có các trường giáo dục cơ bản trong vùng lãnh thổ của mình, tuy nhiên chúng không đủ để đáp ứng nhu cầu của cư dân.</p> <p>Chính quyền địa phương có đủ trường học đáp ứng nhu cầu về giáo dục cơ bản của cư dân.</p> <p>Chính quyền địa phương thúc đẩy giáo dục cơ bản chất lượng và toàn diện. Chính quyền đảm bảo đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản và cải tiến chất lượng giáo dục. Có đủ trường học để đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản của dân cư.</p>	<p>1) Các trường giáo dục cơ bản trên địa bàn (mầm non, tiểu học, THCS) (30đ): + TH1: Không đủ các trường và không đáp ứng nhu cầu của người dân (10 đ). + TH2: Có đầy đủ các trường và đáp ứng nhu cầu của người dân (30 đ).</p> <p>2) Hoạt động thúc đẩy giáo dục cơ bản chất lượng và toàn diện (20đ) + Có một số hoạt động (10đ). + Có chính sách, chương trình, kế hoạch (10đ).</p> <p>3) Cơ sở hạ tầng giáo dục (20đ): + TH1: Chưa đảm bảo chất lượng, chưa đầy đủ (10đ). + TH2: Đầy đủ, tiện nghi (20đ).</p> <p>4) Chất lượng giáo dục (20đ) + Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (%) (0-20đ)</p>	
3.8	Nhà ở đáng hoàng:	<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động tiếp cận về nhà ở. Không có hoạt động</p>	<p>1) Hoạt động phát triển nhà ở tại địa phương (70đ): + Có một số hoạt động để phát triển nhà ở tại địa phương</p>	

	Thúc đẩy nhà ở đáng hoàng	<p>đề hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.</p> <p>Chính quyền địa phương có các hoạt động riêng lẻ về tiếp cận nhà ở tập trung vào cư dân yếu thế. Có một số hoạt động để hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.</p> <p>Chính quyền địa phương có các chương trình về tiếp cận và cải tiến nhà ở đáng hoàng tập trung vào cư dân yếu thế. Có các chương trình để hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.</p>	<p>(và đảm bảo theo mục tiêu SDG VN xoá bỏ các khu ổ chuột, tỉ lệ dân số sống trong các nhà tạm <1%) (0-30đ).</p> <p>+ Có một số hoạt động tập trung vào cư dân yếu thế để tiếp cận được nhà ở mới hoặc xây, sửa nhà ở (0-20đ).</p> <p>+ Có chính sách, chương trình để phát triển nhà ở cho dân và cư dân yếu thế (0-20đ).</p> <p>2) Hoạt động hợp pháp hoá nhà ở cho cư dân (20đ):</p> <p>+ Không có hoạt động giải quyết để hợp pháp hoá nhà ở cho cư dân và cư dân yếu thế (0đ).</p> <p>+ Có hoạt động giải quyết để hợp pháp hoá nhà ở cho cư dân và cư dân yếu thế (0-20đ).</p>	
3.9	<p>Đời sống thanh bình và văn hoá công dân:</p> <p>Thúc đẩy môi trường hoà bình đối với điều kiện sống và văn hoá công dân</p>	<p>Không có các hoạt động thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân và văn hoá trách nhiệm xã hội</p> <p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân và văn hoá trách nhiệm xã hội.</p> <p>Chính quyền địa phương có chương trình thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân, văn hoá trách nhiệm xã hội và điều kiện sống thanh bình.</p>	<p>1) Hoạt động thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân và văn hoá trách nhiệm xã hội đến người dân (40đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động (0-30đ).</p> <p>+ Có chương trình, kế hoạch (0-10đ).</p> <p>+ Không có (0đ)</p> <p>2) Điều kiện sống thanh bình (50đ):</p> <p>+ Mức sống, điều kiện sống của người dân (Mục tiêu thu nhập bình quân đầu người theo SDG VN đến năm 2025 là 4.700-5.000USD) (0-10đ).</p> <p>+ An ninh trật tự trên địa bàn (0-10đ).</p> <p>+ An sinh, phúc lợi xã hội của địa phương (0-10đ).</p> <p>+ Môi trường sống trên địa bàn (0-10đ).</p> <p>+ Tinh thần, đời sống văn hoá của người dân trên địa bàn (0-10đ).</p>	
3.10	<p>Di sản văn hoá: Thúc đẩy bảo tồn di sản văn hoá, tự</p>	<p>Chính quyền địa phương không có các hoạt động thúc đẩy di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất và hỗn hợp của địa phương.</p> <p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động bảo vệ và thúc đẩy di sản tự nhiên, văn</p>	<p>1) Hoạt động bảo vệ, duy trì di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất và hỗn hợp của địa phương (30đ):</p> <p>+ Có một số hoạt động (0-30đ).</p> <p>+ Không có (0đ).</p> <p>2) Hoạt động thúc đẩy phát triển di sản tự nhiên, văn</p>	

	nhiên và hỗn hợp	<p>hoá, vật chất, hỗn hợp và vô hình của địa phương.</p> <p>Chính quyền địa phương có các chương trình bảo vệ, thúc đẩy và giữ gìn di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất, hỗn hợp và vô hình của địa phương. Có chương trình duy trì cơ sở hạ tầng văn hoá.</p>	<p>hoá, vật chất và hỗn hợp của địa phương (30đ): + Có chính sách, chương trình, kế hoạch (0-30đ). + Không có (0đ).</p> <p>3) Hoạt động duy trì cơ sở hạ tầng văn hoá (30đ): + Có một số hoạt động nhỏ lẻ (0-10đ). + Có chương trình, kế hoạch (0-20đ). + Không có (0đ).</p>	
3.11	Không nghèo khó: Giảm bớt nghèo khó	<p>Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có các hoạt động riêng lẻ để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo trong vùng lãnh thổ của mình.</p> <p>Chính quyền địa phương có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo khó. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện một số hoạt động để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo, nhưng không có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình.</p> <p>Chính quyền địa phương có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình. Có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo đói. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho cư dân nghèo của mình.</p>	<p>1) Hoạt động giảm nghèo, chăm sóc và cung cấp dịch vụ cho người nghèo tại địa phương (80đ): + Có một số hoạt động riêng lẻ, không có các chương trình, dự án để giảm nghèo (0-20đ). + Có mối liên hệ với các dự án từ các chính quyền khác, các tổ chức công và tư để giảm nghèo, chăm sóc cho người nghèo (0-20đ). + Có hoạt động đánh giá, phân tích về nghèo đói trong dân cư tại địa phương (0-20đ). + Có chính sách, chương trình để giảm nghèo (0-20đ). -> Kết quả thực hiện theo mục tiêu của SDG VN đến năm 2025 từ 1-1,5%.</p> <p>2) Có cơ quan chịu trách nhiệm và hoạt động tích cực để thực hiện các chương trình, kế hoạch để giảm nghèo, chăm sóc cho người nghèo (0-10đ). + Có (5 điểm). + Hoạt động tích cực (0-5 điểm)</p>	

3.12	<p>Trẻ em, thanh thiếu niên và người già: Bảo vệ, hoà nhập và phát triển cho trẻ em, thanh thiếu niên và người già</p>	<p>Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có các hoạt động riêng lẻ để chăm sóc thanh thiếu niên và người già.</p>	<p>1) Hoạt động chăm sóc, bảo vệ nhóm trẻ em tại địa phương (30đ): + Có một số hoạt động riêng lẻ (0-10đ). + Có hoạt động đánh giá, phân tích về nhu cầu của nhóm trẻ em (0-10đ). + Có chính sách, chương trình để chăm sóc nhóm trẻ em và có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, kế hoạch chăm sóc, bảo vệ nhóm trẻ em (0-10đ).</p>	
		<p>Chính quyền địa phương có một số hoạt động về trẻ em, thanh thiếu niên và người già. Có cơ quan chịu trách nhiệm, nhưng không có sự phân tích về nhóm người này trong dân cư</p>	<p>+ Có chính sách, chương trình để chăm sóc nhóm trẻ em và có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, kế hoạch chăm sóc, bảo vệ nhóm trẻ em (0-10đ).</p> <p>2) Hoạt động chăm sóc, bảo vệ, phát triển thanh thiếu niên tại địa phương (30đ): + Có một số hoạt động riêng lẻ (0-10đ). + Có hoạt động đánh giá, phân tích về nhu cầu của nhóm thanh thiếu niên (0-10đ). + Có chính sách, chương trình để chăm sóc, bảo vệ, phát triển nhóm thanh thiếu niên và có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, phát triển nhóm thanh thiếu niên (0-10đ).</p>	
		<p>Chính quyền địa phương có sự phân tích về nhu cầu của trẻ em, thanh thiếu niên và người già. Có các chương trình và cơ quan chịu trách nhiệm về bảo vệ, hoà nhập và phát triển nhóm người này trong dân cư.</p>	<p>3) Hoạt động chăm sóc, bảo vệ nhóm người cao tuổi tại địa phương (30đ): + Có một số hoạt động riêng lẻ (0-10đ). + Có hoạt động đánh giá, phân tích về nhu cầu của nhóm người cao tuổi (0-10đ). + Có chính sách, chương trình để chăm sóc, bảo vệ nhóm người cao tuổi và có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, kế hoạch chăm sóc, bảo vệ nhóm người cao tuổi (0-10đ).</p>	
4	Nhóm chủ đề 4 – Phát triển môi trường bền vững (09 chỉ số)			
4.1	Quản lý chất lượng không khí:	<p>Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số kiểm tra về phát thải chất ô nhiễm di động và cố định.</p>	<p>1) Hoạt động kiểm tra về phát thải ô nhiễm không khí (50đ): + Không có (0đ).</p>	

	Giữ gìn chất lượng không khí	<p>Chính quyền địa phương có các chương trình đối với chất ô nhiễm di động và cố định và có một số kiểm tra về phát thải ô nhiễm.</p>	<p>+ Có một số hoạt động kiểm tra về phát thải ô nhiễm (30đ): <i>Ô nhiễm cố định (20đ).</i> <i>Ô nhiễm di động (10đ).</i></p> <p>+ Có chương trình, kế hoạch về kiểm tra đối với ô nhiễm không khí (20đ).</p> <p>2) Công tác phòng ngừa ô nhiễm không khí (20đ): + Không có kế hoạch (0đ). + Có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (20đ).</p> <p>3) Công khai kết quả thực hiện (20đ): + Không công khai (0đ). + Có công khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, kết quả kiểm tra (10đ). + Công bố thông tin về chất lượng không khí trên địa bàn (10đ).</p>	
4.2	<p>Chất thải rắn: Quản lý chất thải rắn</p>	<p>Có nhiều bãi chôn lấp lộ thiên là nơi xử lý chất thải rắn. Có đường gom rác thải. Chính quyền địa phương có một số hoạt động tái chế chất thải rắn.</p> <p>Chỉ có một bãi chôn lấp lộ thiên là nơi xử lý và kiểm soát chất thải rắn. Có đường gom rác thải. Chính quyền địa phương có một số hoạt động về phân loại và tái chế chất thải rắn.</p> <p>Có bãi chôn lấp vệ sinh đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định chính thức. Nó được che chắn và có sự bảo vệ không khí, đất và nước ngầm. Có hệ thống thu gom rác thải rắn trên hầu hết vùng lãnh thổ. Chính quyền địa phương có chương trình về phân loại và tái chế chất thải rắn.</p>	<p>1) Bãi chôn lấp lộ thiên xử lý chất thải rắn (60đ): + Có nhiều hơn 1 bãi chôn lấp lộ thiên (0đ). + Không có hoặc chỉ có 1 bãi chôn lấp lộ thiên (60đ): <i>TH1: Chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy định (30đ).</i> <i>TH2: Đáp ứng tiêu chuẩn, quy định (60 đ).</i></p> <p>2) Hệ thống thu gom rác thải rắn trên địa bàn (20đ): + Có đơn vị thu gom rác thải rắn đến toàn bộ các hộ dân, tỷ lệ % thu gom/hộ dân (0-15đ). + Có đường gom, các điểm tập kết rác thải rắn tập chung để chuyển đi (0-5đ).</p> <p>3) Hoạt động phân loại chất thải rắn (10đ): + Có triển khai thực hiện, tỷ lệ % (0-5đ). + Có chương trình, kế hoạch (0-5đ).</p>	

4.3	Cảnh quan và sự thu hút: Cải thiện cảnh quan	Không có các hoạt động để cải thiện cảnh quan xung quanh vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương.	1) Hoạt động cải thiện cảnh quan của chính quyền (40đ): + Không có hoạt động (0đ). + Có các hoạt động (0-20đ). + Có các chương trình, kế hoạch (0-20đ). 2) Mức độ thu hút của cảnh quan (50đ): + Đảm bảo diện tích cây xanh trên địa bàn theo quy định (0-10đ). + Có một số công viên, vườn hoa công cộng, một số cảnh quan thu hút người dân đảm bảo tính không gian mở, gần gũi thiên nhiên (0-20đ). + Cảnh quan có tính thẩm mỹ, nghệ thuật, đặc sắc riêng của địa phương (0-20đ).	
4.4	Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái: Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái	Chính quyền địa phương không có các hoạt động để bảo vệ tài nguyên thực vật và động vật.	1) Phân tích về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái (30đ): + Không có hoạt động phân tích, đánh giá (0đ). + Có hoạt động phân tích, đánh giá (0-30đ). 2) Hoạt động bảo tồn, bảo vệ các nguồn tài nguyên thực vật, động vật, năng lượng và khoáng sản (50đ): + Không có hoạt động (0đ). + Có các hoạt động (0-30đ). + Có các chương trình, kế hoạch (0-20đ). 3) Có cơ quan chịu trách nhiệm triển khai để bảo vệ, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, khoáng sản (10 đ).	
4.5	Hoạch định và phát triển đô thị: Hệ thống quản	Chính quyền địa phương có một số quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Tuy nhiên, chúng không được cập nhật. Không có các hoạt động khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết	1) Chủ trương, chính sách về phát triển đô thị, các trung tâm dân cư (30đ): + Không có (0đ). + Có (0-30đ). 2) Hoạt động phát triển đô thị, các trung tâm dân cư	

	lý đất đai và hoạch định đô thị	<p style="text-align: center;">kế hoạch định đô thị.</p> <p>Chính quyền địa phương có các quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Nó được cập nhật liên tục và có các hoạt động khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết kế hoạch định đô thị.</p> <p>Chính quyền địa phương có hệ thống hoạch định và quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Nó được cập nhật liên tục và có chương trình khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết kế, thực hiện, theo dõi, kiểm soát và đánh giá hoạch định đô thị.</p>	<p>(60đ):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có các quy hoạch và triển khai thực hiện (0-30đ). + Được xem xét, đánh giá và cập nhật liên tục (0-10đ). + Có hoạt động công khai minh bạch và lấy ý kiến cộng đồng (0-20đ). 	
4.6	<p>Nước sạch, vệ sinh và nước thải: Nước sạch, vệ sinh và nước thải</p>	<p>Chính quyền địa phương không có chương trình về các vấn đề liên quan đến nước, cũng không có hệ thống xử lý nước thải. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc một chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước, nhưng kết quả là không thể chấp nhận. Không đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 75 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình.</p> <p>Chính quyền địa phương có chương trình về bảo tồn và duy trì chất lượng các nguồn cấp nước, cả nước ngầm và nước mặt. Có nhà máy xử lý nước thải, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc một</p>	<p>1) Hoạt động bảo vệ và duy trì các vấn đề liên quan đến nước (nước mặt, nước ngầm) (20đ):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có một số hoạt động bảo vệ và duy trì chất lượng các nguồn nước và hoạt động thúc đẩy văn hoá tiết kiệm và sử dụng nước có trách nhiệm (0-10đ). + Có chương trình, kế hoạch bảo vệ và duy trì chất lượng các nguồn nước và có cơ quan chịu trách nhiệm về các vấn đề nước (0-10đ). <p>2) Hệ thống thu gom, xử lý nước thải (40đ):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có hệ thống thu gom nước thải (20đ). Không có hệ thống thu gom nước thải (0đ). TH1: Có hệ thống thu gom nước thải nhưng chưa được tách biệt với hệ thống thoát nước mưa (0-10đ). TH2: Có hệ thống thu gom nước thải riêng (0-20đ). + Tỷ lệ nước thải được xử lý trên địa bàn (%) (0-20đ). <p>3) Hệ thống cấp nước sạch và hệ thống nhà vệ sinh (30đ):</p>	

		<p>chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước với kết quả không đầy đủ. Đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 75 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình.</p>	<p>+ <i>Tỷ lệ người dân được tiếp cận và sử dụng nước sạch hợp vệ sinh (>75-95%) (0-25đ).</i> <i><75%: 0 điểm</i> <i>>75-95%: 0-25 điểm</i></p> <p>+ <i>Tỷ lệ dân cư có hệ thống nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh (75% – 95%) (0-5đ).</i> <i><75%: 0 điểm</i> <i>>75-95%: 0-5 điểm</i></p>	
		<p>Chính quyền địa phương có chương trình về bảo tồn và duy trì chất lượng các nguồn cấp nước, về cả nước ngầm và nước mặt. Có nhà máy xử lý nước thải. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước. Thúc đẩy văn hoá tiết kiệm nước và sử dụng nước có trách nhiệm trong vùng lãnh thổ. Đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 95 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình</p>		
4.7	<p>Bảo vệ đất: Trách nhiệm bảo vệ đất</p>	<p>Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số hoạt động về trồng lại rừng</p> <p>Chính quyền địa phương có các chương trình về kiểm soát sới mòn, bảo tồn và trồng lại rừng. Tuy nhiên chưa có sự phân tích về nội dung này.</p> <p>Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về kiểm soát sới mòn, chặt phá rừng, bảo tồn, phục hồi đất và trồng lại rừng. Chiến lược này tập trung vào sự bền vững và kiên cường của hệ sinh thái</p>	<p>1) Phân tích, đánh giá về kiểm soát sới mòn, chặt phá rừng, bảo tồn, bảo vệ, phục hồi đất và kiểm soát chặt phá rừng, trồng lại rừng (nếu có) (30đ): + <i>Có phân tích, đánh giá, thống kê (0-10đ).</i> + <i>Có chương trình, kế hoạch bảo vệ đất và bảo vệ rừng (nếu có) (0-20đ).</i></p> <p>2) Hoạt động bảo vệ đất (60đ): + <i>Có các hoạt động chống sới mòn đất (0-15đ).</i> + <i>Có các hoạt động chống sâm lán nước mặn, sạt lở (0-15đ).</i> + <i>Có các hoạt động chống ô nhiễm đất (0-15đ).</i> + <i>Có các hoạt động chống khai thác (0-15đ).</i></p>	

4.8	Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch: Thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch	Chính quyền địa phương không có các hoạt động thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	1) Hoạt động thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch (90đ): + Không có (0đ). + Có một số hoạt động riêng lẻ để người dân tiếp cận và sử dụng năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch (0-30đ). + Có chính sách, chương trình, kế hoạch thúc đẩy để người dân tiếp cận và sử dụng năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch (0-50đ). + Có cơ quan chịu trách nhiệm triển khai (10đ).	
4.9	Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường: Các hành động để chống biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số hoạt động về chống biến đổi khí hậu và thúc đẩy giáo dục về môi trường.	1) Theo dõi, thu thập số liệu về tình hình biến đổi khí hậu (30đ): + Không có hoạt động theo dõi (0đ). + Có hoạt động theo dõi/đánh giá/báo cáo (0-30đ). 2) Hoạt động về chống biến đổi khí hậu của địa phương (40đ): + Không có (0đ). + Có các hoạt động về chống biến đổi khí hậu (0-20đ). + Có chương trình, kế hoạch chống biến đổi khí hậu (0-20đ). 3) Hoạt động thúc đẩy giáo dục về môi trường và biến đổi khí hậu (20đ): + Không có (0đ) + Có hoạt động về tuyên truyền, giáo dục về môi trường (0-20đ).	
	Chính quyền địa phương có một số hoạt động về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	Chính quyền địa phương có các chương trình về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch. Có các quy định, một cơ quan vận hành và một mạng lưới		

PHỤ LỤC 2

**BẢNG PHÂN CÔNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TỔNG THỂ THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 18091:2020 TẠI HUYỆN AN LÃO NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện An Lão)

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Đơn vị chủ trì/thực hiện chính	Đơn vị phối hợp/tham gia	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
Nhóm chủ đề 1: Xây dựng thể chế điều hành tốt (10 chỉ số) <i>(Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp chung)</i>					
1.1	Quản lý chất lượng tổng thể.	- Văn phòng HĐND&UBND (1.1.1). - Phòng Tài chính - Kế hoạch (1.1.2 và 1.1.4). - Phòng Kinh tế và Hạ tầng (1.1.3).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện.	Trong tháng 11/2024	- Báo cáo thực hiện chỉ số; - Tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.
1.2	Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác.	- Văn phòng HĐND&UBND	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
1.3	Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức.	- Phòng Nội vụ	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Thanh tra huyện.		
1.4	Tài chính công và trách nhiệm tài chính.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng TN&MT - Văn phòng ĐKDD. - Chi cục Thuế.		

1.5	Quản lý công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và dữ liệu.	- Văn phòng HĐND&UBND - Phòng Văn hóa - Thông tin	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Phòng Văn hóa - Thông tin - Phòng Giáo dục và Đào tạo.		
1.6	Quy tắc pháp luật và quyền con người.	- Phòng Tư pháp	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Phòng Nội vụ.		
1.7	Tính minh bạch và trao đổi thông tin.	- Phòng Nội vụ (1.7.1; 1.7.2 và 1.7.3). - Văn phòng HĐND&UBND (1.7.4).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Thanh tra huyện. - Phòng Văn hóa - Thông tin.		
1.8	Sự tham gia của công dân.	- Phòng Nội vụ	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Thanh tra huyện.		
1.9	Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân.	- Công an huyện (1.9.1). - Phòng NN&PTNT (1.9.2; 1.9.3 và 1.9.4).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Ban CHQS huyện.		
1.10	An ninh công cộng.	- Công an huyện	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Văn phòng HĐND&UBND		

Nhóm chủ đề 2: Phát triển kinh tế bền vững (8 chỉ số) <i>(Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp chung)</i>					
2.1	Đổi mới và năng lực cạnh tranh.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	- Các phòng chuyên môn có liên quan.	<i>Trong tháng 11/2024</i>	
2.2	Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế.	- Phòng Lao động TB&XH (2.2.1). - Phòng Tài chính - Kế hoạch (2.2.2 và 2.2.3).	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
2.3	An ninh lương thực và không có người đói.	- Phòng NN&PTNT (2.3.1). - Phòng Y tế (2.3.2 và 2.3.3).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Văn phòng HĐND&UBND		
2.4	Đào tạo nghề.	- Phòng Lao động TB&XH	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Nội vụ.		
2.5	Du lịch.	- Phòng Văn hóa - Thông tin	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
2.6	Di chuyển.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
2.7	Lĩnh vực căn bản.	- Phòng NN&PTNT (2.7.1). - Phòng Tài chính - Kế hoạch (2.7.2).	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
2.8	Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Tài chính - Kế hoạch.		

Nhóm chủ đề 3: Phát triển xã hội toàn diện (12 chỉ số) <i>(Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp chung)</i>					
3.1	Dịch vụ công.	- Văn phòng HĐND&UBND	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện.	Trong tháng 11/2024	
3.2	Thể thao, vui chơi và giải trí.	- Phòng Văn hóa - Thông tin	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
3.3	Nhập cư và hòa nhập xã hội, dân tộc.	- Công an huyện (3.3.1). - Phòng Lao động TB&XH (3.3.1). - Phòng Văn hóa Thông tin (3.3.2).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Văn phòng HĐND&UBND - Phòng Tư pháp.		
3.4	Bình đẳng giới.	- Phòng Lao động TB&XH	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Giáo dục và đào tạo. - Văn phòng HĐND&UBND. - Hội Liên hiệp phụ nữ.		
3.5	Dân cư dễ tổn thương/yếu thế và người khuyết tật.	- Phòng Lao động TB&XH	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
3.6	Sức khỏe và đời sống tốt.	- Phòng Y tế	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã.		

- Báo cáo thực hiện chỉ số;
- Tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

3.7	Chất lượng giáo dục.	- Phòng Giáo dục và đào tạo	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
3.8	Nhà ở đàng hoàng.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Lao động TB&XH. - Phòng TN&MT.		
3.9	Đời sống thanh bình và văn hóa công dân.	- Phòng Văn hóa thông tin (3.9.1 và 3.9.2). - Phòng Tài chính - Kế hoạch (3.9.2). - Công an huyện (3.9.2). - Phòng Lao động TB&XH (3.9.2). - Phòng Tài nguyên môi trường (3.9.2).	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
3.10	Di sản văn hóa.	- Phòng Văn hóa thông tin	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
3.11	Không nghèo khó.	- Phòng Lao động TB&XH	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện. - Các địa phương trên địa bàn.		
3.12	Trẻ em, thanh thiếu niên và người già.	- Phòng Lao động TB&XH (3.12.1; 3.12.2 và 3.12.3). - Phòng Nội vụ (3.12.2).	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Giáo dục và đào tạo. - Công an huyện.		

Nhóm chủ đề 4: Phát triển môi trường bền vững (9 chỉ số) <i>(Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp chung)</i>					
4.1	Chất lượng không khí.	- Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng chuyên môn có liên quan.	Trong tháng 11/2024	
4.2	Chất thải rắn.	- Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng chuyên môn có liên quan.		
4.3	Cảnh quan và sự thu hút.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Văn hóa thông tin. - Phòng Tài nguyên & Môi trường.		
4.4	Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái.	- Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện.		
4.5	Hoạch định và phát triển đô thị.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Tài nguyên & Môi trường.		
4.6	Nước sạch, vệ sinh và nước thải.	- Phòng NN&PTNT	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Tài nguyên & Môi trường - Công an huyện.		

- Báo cáo thực hiện chỉ số;
- Tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

4.7	Bảo vệ đất.	- Phòng NN&PTNT	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Công an huyện. - Phòng Tài nguyên & MT.		
4.8	Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	- Phòng Kinh tế và Hạ tầng	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Tài nguyên & MT.		
4.9	Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường.	- Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Các phòng chuyên môn có liên quan. - Phòng Giáo dục và Đào tạo.		